TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3- AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – H phúc**

Bản án số: **23**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 16/01/2026
V/v "Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Tấn Đẩu**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Duy Khương**

Ông **Huỳnh Đạt Vân**

- *Thư ký phiên Tòa:* Bà **Nguyễn Kiều Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3- Ann Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3- An Giang tham gia phiên tòa: Ông **Tiêu Thanh Bình** – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, Tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3-An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 273/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2025, về việc *"Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 11 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 87/2025/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Chị **Trương Thị Mỹ H**, sinh năm 1981 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp TB, xã CT, tỉnh AG.

**** Bị đơn:*** Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp TB, xã CT, tỉnh AG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ H trình bày:*** Vào năm 1999 được sự đồng ý của gia đình hai bên bà cùng ông Nguyễn Văn T có chung sống vợ

chồng, tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán Nng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống ông bà có 02 người con chung là Nguyễn Văn Bạn, sinh ngày 01/01/2001 và Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 01/01/2009. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, Nhưng thời gian sau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên tranh cãi dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Do đó ông bà đã sống ly thân với nhau từ tháng 9/2023 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn bà cảm thấy không hạnh phúc khi chung sống với nhau nên bà khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T

Tại phiên tòa bà Trương Thị Mỹ H có yêu cầu:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về việc nuôi con chung: 02 người con chung Nguyễn Văn Bạn, sinh ngày 01/01/2001 đến nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết. Còn đối với người con Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 01/01/2009 thì chưa trưởng thành nên bà yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà không yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn T:* Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án. Nhưng qua thời gian luật định ông Nguyễn Văn T vẫn không có văn bản tự khai và cũng không có ý kiến gì gửi đến Tòa án. Sau đó, Tòa án tiếp tục tống đạt cũng như niêm yết nhiều lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật Nng ông Nguyễn Văn T vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày. Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – An Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự

tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Không công nhận bà Trương Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

- Về con chung: Giao Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 01/01/2009 cho bà Trương Thị Mỹ H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Bà Trương Thị Mỹ H không yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ H hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang.

[2] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ H yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn T và yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc người con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 01/01/2009. Nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định trong vụ án là *"Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung"*.

[3] - Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập, tống đạt xét xử hợp lệ, đúng theo quy định pháp luật nhưng ông Nguyễn Văn T vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ H thống nhất yêu cầu xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn T theo quy định pháp luật.

[4] Về nội dung: Bà Trương Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn tại bất cứ đâu theo đúng quy định của pháp luật *(có xác nhận của chính quyền địa phương)* trong quá trình chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, Trương Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn T đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay

[4.1] Về mối quan hệ hôn nhân: HĐXX xét thấy, bà Trương Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật đã vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và căn cứ vào điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về thi hành Luật hôn nhân gia đình thì mối quan hệ của bà Trương Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn T không được công nhận là vợ chồng.

[4.2] - Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trương Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn T xác định trong thời gian chung sống thì ông bà có chung 02 người con chung Nguyễn Văn B, sinh ngày 01/01/2001 và Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 01/01/2009. Đối với người con Nguyễn Văn B, sinh ngày 01/01/2001 đến nay đã trưởng thành nên bà không yêu cầu xem xét, giải quyết. Còn đối với người con Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 01/01/2009 thì chưa trưởng thành nên bà yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà không yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX nhận thấy kể từ sau khi ông bà sống ly thân cho đến nay bà Trương Thị Mỹ H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 01/01/2009 và bà vẫn

chăm sóc tốt cho cháu nên HĐXX xét thấy cần tiếp tục giao Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 01/01/2009 cho bà Trương Thị Mỹ H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng để không làm thay đổi môi trường sinh sống của cháu và phù hợp với nguyện vọng của cháu là đúng quy định của pháp luật.

[4.3] - Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập ông Nguyễn Văn T đúng theo quy định pháp luật Nng ông Nguyễn Văn T vẫn vắng mặt không lý do nên Toà án không tiến hành hoà giải, đối chất để xác định về tài sản chung cũng N nợ chung giữa ông bà được. Mặt khác, tại phiên toà bà Trương Thị Mỹ H khẳng định ông bà không tạo lập được tài sản gì chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, về phần tài sản chung và nợ chung HĐXX không xem xét nếu sau này có cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào khác có yêu cầu đối với phần tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5] - Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật N đã phân tích nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] - Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bà Trương Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Nng bà Trương Thị Mỹ H được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006360 ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về thi hành Luật hôn nhân gia đình;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà ***Trương Thị Mỹ H*** và ông ***Nguyễn Văn T*** là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 01/01/2009 cho bà Trương Thị Mỹ H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Bà Trương Thị Mỹ H không yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Ông Nguyễn Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc các con mà không ai có quyền được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Buộc bà Trương Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Nng bà Trương Thị Mỹ H được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006360 ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý

do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án.

***Nơi nhận**:*
- Các đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND KV 3-An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã Châu Thành, An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Tấn Đẩu